

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/3/2021

V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thúy.

2. Ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990;

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1989;

Đều cư trú tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 09/12/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh T. Chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội nhưng anh không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/11/2017. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2021, bị đơn - anh Phạm Văn T trình bày:*

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án về việc chị L xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Nhưng do công việc bận mải nên anh không đến Tòa án làm việc.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 09/12/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, không hiểu cho nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị L xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án cho anh được tự hòa giải với chị L đến trước ngày 20/02/2021. Nếu đến ngày 26/02/2021 chị L không rút đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy thì anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng Lê có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/11/2017. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 12/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Trung úy Phạm Văn Tiếp – Phó trưởng Công an xã Đ cung cấp như sau:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Nam Hải, xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T; Về quan hệ con chung: Chị L và anh T, có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/11/2017, đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng

nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.; Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 30/3/2015. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị cho vợ chồng tự hòa giải đến ngày 20/02/2021, nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Đến ngày xét xử chị L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/11/2017. Chị L và anh T đều có nguyện vọng giao con Phạm Hoàng A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao con Phạm Hoàng A cho chị L trực tiếp nuôi con và anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 5.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn T.

2. *Về con chung*: Giao con Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/11/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị L 5.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002437 ngày 04/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

